

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10/3/2021

V/v: *Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hoa

2/ Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: ông Phùng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 03 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX ST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1994 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

Bị đơn: Ông Lê Tuấn L- sinh năm 1994 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc G

Anh Lê Tuấn L có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22/10/2020 và bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày: Chị và anh Lê Tuấn L kết hôn ngày 04/02/2020, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc G. Sau khi cưới chị về nhà anh L làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, hạnh phúc được hai tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Điệp không chịu đi làm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị bỏ bỏ ra ở riêng từ tháng 10/2020 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên tiến hành hòa giải

nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Lê Tuấn L không còn, chị nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc G giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Tuấn L.

Về con chung: Chị xác định chị và anh L chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020 bị đơn anh Lê Tuấn L trình bày: Anh và chị G kết hôn với nhau ngày 04/02/2020. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc G. Sau khi kết hôn chị G về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng anh và bà nội. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hợp nhau, bắt đầu đồng quan điểm sống, chị G đã bỏ ra ngoài ở riêng từ tháng 10/2020 đến nay. Sau khi chị G đi anh có đề nghị chị G về nhưng chị G không về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh và chị G đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị G không còn, nay chị G xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định chị và chị G chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: anh xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa chị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Lê Tuấn L. Chị xác định chị và anh L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác của vợ chồng.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị G được ly hôn với anh Lê Tuấn L

Về án phí: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000410 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Trần Thị G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020 của chị Trần Thị G đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Tuấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào §100 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh L và có căn cứ.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị G và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc G được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị G Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của chị G trước Tòa được biết vợ chồng chị G, anh L sau khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, sau đó vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn. Cả chị G và anh L đều xác nhận đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm, chăm sóc gì tới nhau nữa. Chị G đề nghị xin ly hôn và anh L đã đồng ý. Tuy nhiên, anh L không lên Tòa án làm việc và có đơn xin xét xử vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G với anh L đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Trần Thị G được ly hôn anh Lê Tuấn L là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: Chị G và anh L đều xác định vợ chồng không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*: Chị G, anh L xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản

5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị G được ly hôn với anh Lê Tuấn L.

Về án phí: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000410 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Trần Thị G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THA Dân sự huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan

THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Hanh Lê Thanh Miện

Hoàng Thị Hương Lan